

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST  
Ngày: 18/3/2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông: **Nguyễn Văn Ngư**

2/. Ông: **Lâm Ngọc Hà**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Thúy Vy** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Cao Trương Minh Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “***Tranh chấp hợp đồng góp hui***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST- DS ngày 11/3/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Dương Thị D**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Ông **Lữ T**, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lữ Tuấn K**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 03 năm 2020; biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày:

Vào ngày 09/6/2013, bà D có tham gia 02 dây hui, do bà Phan Thị Kim D và ông Lữ T làm chủ hui (bà D chết) năm 2017.

Dây hui thứ nhất: Mở ngày 09/6/2013, có 24 phần, mỗi phần: 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà tham gia 01 phần, chưa hốt, đóng được 23 lần là: 19.030.000đ vốn đóng, còn vốn cộng lãi 23.000.000đ.

Dây hui thứ hai: Mở ngày 09/6/2013, có 24 phần, mỗi phần: 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà tham gia 01 phần, chưa hốt, đóng được 23 lần là:

19.350.000đ vốn đóng, còn vốn cộng lãi 23.000.000đ; tổng cộng vốn đóng: 38.380.000đ, còn vốn cộng lãi 46.000.000đ.

Lúc bà D còn sống, thì bà D và ông Lữ T có trả dần được 17.400.000đ, còn nợ lại 28.600.000đ, sau đó bà gửi đơn lên áp hòa giải, thì ông Lữ T hứa trả 3.000.000đ mỗi vụ thu hoạch lúa cho đến khi dứt nợ, nhưng chỉ trả được 2.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lữ T trả số tiền hui 28.600.000đ.

Tại biên bản lấy lời ngày 20/11/2020, bị đơn ông Lữ T trình bày: Bà D là vợ ông chết ngày 6/5/2017 (âm lịch), ông và bà D có 02 người con chung: Lữ Tuấn K, sinh năm 1988; Lữ Tuấn A, sinh năm 1990 (chết năm 2014).

Lúc bà D còn sống, có thừa nhận thiếu tiền hui bà D 28.600.000đ, khi bà D chết ông không có khả năng trả.

Nay bà D yêu cầu của Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền hui 28.600.000đ, ông không có khả năng trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lữ T, ông Lữ Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông Lữ T, ông Lữ Tuấn K đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông.

[2] Về nội dung: Bà Dương Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lữ T trả số tiền hui: 28.600.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bà D cho rằng, bà có tham gia 02 dây hui do bà D và ông T làm chủ hui, 02 dây hui mở ngày 09/6/2013, mỗi dây có 24 phần, mỗi phần: 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà đã đóng hui sống của 02 phần hui, của 02 dây là 46 lần chưa hốt, thực đóng là 38.380.000đ, còn vốn cộng lãi 46.000.000đ, lúc bà D còn sống trả dần được 17.400.000đ, còn lại 28.600.000đ, sau đó ông Lữ T trả được 2 triệu đồng, còn nợ lại 26.600.000đ; tại phiên tòa hôm nay, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền nợ hui 26.600.000đ; rút lại một phần yêu cầu đối số tiền 2.000.000đ.

[4] Hội đồng xét xử thấy bà D kiện yêu cầu ông Lữ T trả tiền hui 28.600.000đ, tại phiên tòa hôm nay bà D xin rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 2.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đình chỉ một phần yêu cầu của bà D đối với số tiền 2.000.000đ.

Còn lại số tiền hui 26.600.000đ, theo lời khai của bà D, thì bà D là chủ hui, ông Lữ T là đi thu tiền hui, hiện nay bà D chết nên bà D kiện ông T trả số tiền hui 26.600.000đ. Qua biên bản lấy lời khai của ông T ngày 20/11/2020, thì ông thừa nhận bà D là vợ ông làm chủ hui, ông là người đi thu tiền hui giùm vợ (bà D), nay bà D đã chết; ông Tài thừa nhận số nợ hui bà D nợ bà D 26.600.000đ, nhưng ông T không có khả năng trả.

Xét thấy bà D (đã chết), nên tòa án có đưa ông T và ông K tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố của bà D. Nhưng qua thu thập chứng cứ lời khai của ông T cho biết bà D (đã chết ngày 6/5/2017), như vậy bà D chết trước khi bà D khởi kiện, mặc khác tại phiên tòa hôm nay, bà D xác định chỉ kiện ông T, nên Hội đồng xét xử xác định ông T là bị đơn và ông K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không phải là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố của bà D; nên buộc ông Lữ T có nghĩa vụ trả tiền hui do bà D 26.600.000đ là có cơ sở. Còn đối với ông K là con (bà D và ông T) bà D không có yêu cầu phải trả số tiền hui của bà D nợ và cũng không có chứng nào cho thấy ông K liên quan đến việc tham gia hui cùng bà D với ông T, nên Hội xét xử không thể buộc ông K cùng trả số tiền trên với ông T.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị D buộc bị đơn ông Lữ T trả cho nguyên đơn bà Dương Thị D số tiền hui: 26.600.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng); Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Dương Thị D đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Dương Thị D là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó áp dụng Điều Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Lữ T phải có nghĩa vụ trả số tiền hui: 26.600.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) là có căn cứ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Dương Thị D đối với số tiền 2.000.000đ.

[7] Về án phí: Ông Lữ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.330.000đ của số tiền (26.600.000đ x 5% = 1.330.000đ), nhưng ông Lữ T thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông Lữ T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bà Dương Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều: 471 Bộ luật Dân sự 2015

- Áp dụng: Điều 17 Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biên, phường.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị D kiện ông Lữ T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hui".

Buộc ông Lữ T phải có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị D số tiền hui là: 26.600.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Dương Thị D đối với số tiền 2.000.000đ.

Về án phí: Ông Lữ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.330.000đ của số tiền (26.600.000đ x 5% = 1.330.000đ), nhưng ông Lữ T thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông Lữ T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bà Dương Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Dương Thị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 715.000đ (Bảy trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai số: 0001304 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Dương Thị D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lữ T còn phải trả lãi cho bà Dương Thị D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Văn Vinh**



